

THU NHẬP VÀ TẬP QUÁN TIÊU DÙNG HÀNG NGÀY TRONG GIA ĐÌNH Ở CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG BÌNH, QUẢNG TRỊ VÀ THỪA THIÊN HUẾ

PGS.TS. NGUYỄN VĂN MẠNH

Trường Đại học Khoa học Huế

LÊ VĂN CƯỜNG

Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế

1. Đặt vấn đề

Thu nhập là tổng các khoản thu bằng tiền hoặc hiện vật do lao động của các thành viên trong gia đình tạo ra. Nó có mối quan hệ khăng khít với khả năng tiêu dùng, nên có thể nói, thu nhập là tấm gương phản chiếu khả năng tiêu dùng của từng gia đình nói riêng và của cả cộng đồng dân cư nói chung.

Đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, mặc dù thu nhập hằng ngày rất hạn chế, chủ yếu nguồn thu từ kinh tế nương rẫy bắp bênh, nhưng trong tập quán tiêu dùng, họ chú trọng dành dụm của cải để chi tiêu các nhu cầu thuộc đời sống tinh thần như cúng tế, cưới hỏi, tang ma, lễ hội... Vì vậy, đời sống của đồng bào vốn đã gặp nhiều khó khăn lại càng đứng trước những thách thức về nghèo nàn và lạc hậu.

2. Thu nhập trong gia đình

Đồng bào các dân tộc thiểu số Tà ôi, Cót, Bru - Vân Kiều và Chứt ở miền núi các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, thu nhập trong gia đình, ngoài các khoản thu bằng tiền trợ cấp xã hội, chủ yếu được tích lũy từ các hoạt động kinh tế nông nghiệp, hái nhặt lâm sản, chăn nuôi và nghề thủ công truyền thống; cụ thể các khoản thu như sau:

- Nông nghiệp/ trồng trọt

Cũng như các tộc người khác ở vùng rừng núi Trường Sơn, đồng bào các dân tộc thiểu số Tà ôi, Cót, Bru - Vân Kiều và Chứt, nguồn

thu nhập chính là kinh tế nương rẫy, bao gồm trồng lúa, sắn, ngô, khoai, kê và các loại cây ăn quả như thơm, mít, chuối, đu đủ..., các loại rau củ quả như bầu, bí, dưa, môn... Hình thức sản xuất nương rẫy theo lối thủ công thô sơ: phát-cốt-đốt-tria, kỹ thuật canh tác lạc hậu, công cụ sản xuất hết sức thô sơ nên năng suất cây trồng rất thấp và bắp bênh. Thu nhập bình quân của mỗi gia đình từ kinh tế nương rẫy, ước tính khoảng 100.000 - 200.000 đồng/tháng, chủ yếu là nguồn thu từ lúa, sắn, chuối, thơm, mít...

Nguồn thu từ trồng trọt hiện nay của đồng bào còn ở sản xuất lúa nước. Do tính ưu việt của nó, nên loại hình canh tác này đã sản xuất ra phần lớn lương thực đáp ứng nhu cầu của người dân. Tuy vậy, giá trị nguồn thu này còn hạn chế. Mặc dù trong những năm qua người dân đã nhận được sự giúp đỡ của các chương trình, dự án của chính quyền địa phương để phát triển lúa nước thông qua việc đầu tư giống, kỹ thuật, công trình thủy lợi nhưng sản lượng vẫn thấp; bình quân chỉ khoảng 1-2 triệu đồng cho mỗi hộ/năm.

Nguồn thu của đồng bào từ trồng trọt còn phải kể đến kinh tế vườn. Vườn của người Tà ôi trồng đủ các loại cây như mít, bưởi, chuối, khế... Mỗi loài cây một ít, theo kiểu vườn tạp, để cung cấp rau quả hằng ngày cho gia đình theo kiểu mùa nào thức ấy. Ngoài ra, ở đồng bào còn có vườn đồi, trồng các loại cây lấy gỗ, như keo, bạch đàn; tuy nhiên những sản phẩm

làm ra từ vườn chưa thực sự trở thành hàng hóa mà chủ yếu phục vụ cho nhu cầu của mỗi gia đình, chưa có kế hoạch sử dụng triệt để đất vườn để trồng các cây có giá trị kinh tế cao. Chính vì vậy thu nhập từ loại hình sản xuất này còn rất thấp.

Nguồn thu nhập của người dân còn phải kể đến là hoạt động chăn nuôi. Hầu hết các hộ gia đình đều có hoạt động chăn nuôi các loại gia cầm, gia súc, như gà, lợn; một số hộ còn nuôi vịt, dê, bò, trâu... Các vật nuôi chủ yếu phục vụ gia đình trong những dịp cúng tế, lễ tết, ít chú ý đến giá trị hàng hóa. Vì vậy, thu nhập từ hoạt động chăn nuôi còn thấp kém do thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm và còn do bị dịch bệnh, do quy mô nhỏ, ít chú ý đến chất lượng, số lượng vật nuôi, không đầu tư thời gian chăm sóc, phòng dịch, chỉ dựa vào hình thức thả rông.

Ngoài ra, nguồn thu của đồng bào các dân tộc thiểu số Tàôi, Cotu, Bru - Vân Kiều và Chứt còn từ các hoạt động tận dụng khai thác các sản vật từ núi rừng, sông suối. Đó là nấm khô, măng tươi, song mây, mật ong rừng, các loại thảo dược, hoặc đánh bắt cá, tôm, cua, ốc... Đồng bào khai thác sản vật vừa để sử dụng như một nguồn thực phẩm, vừa để trao đổi hàng hóa.

Bên cạnh đó, để phục vụ cho kinh tế của gia đình, đồng bào trong những năm gần đây, từng bước phát triển các ngành nghề truyền thống như đan lát, dệt zèng, mộc, xé, nề... Tuy nhiên, đồng bào vẫn chưa chú trọng hoạt động ngành nghề theo mô hình kinh tế hàng hóa, một số mô hình phát triển chậm và chưa tìm được đầu ra cho sản phẩm, một số mô hình còn chấp vá, làm theo lối thủ công, không phát huy được tính sáng tạo mang lại kinh tế cho người dân.

Nhìn chung, đồng bào các dân tộc thiểu số nơi đây có rất ít nguồn thu, hầu hết nguồn thu chính của gia đình chủ yếu từ việc trồng trọt/nông nghiệp (chiếm 50%), ngoài ra 15% là đến từ việc làm thuê (chăm sóc, bảo quản, làm cỏ



Đồng bào Vân Kiều thu hoạch lúa rẫy Ảnh: **N.V.M**

cây keo...), 20% là đến từ chăn nuôi, chỉ 5% là từ nguồn lương, hoặc trợ cấp hàng tháng và 5% những khoản thu nhập khác (hỗ trợ từ địa phương,...), buôn bán 5% (Biểu đồ 1).

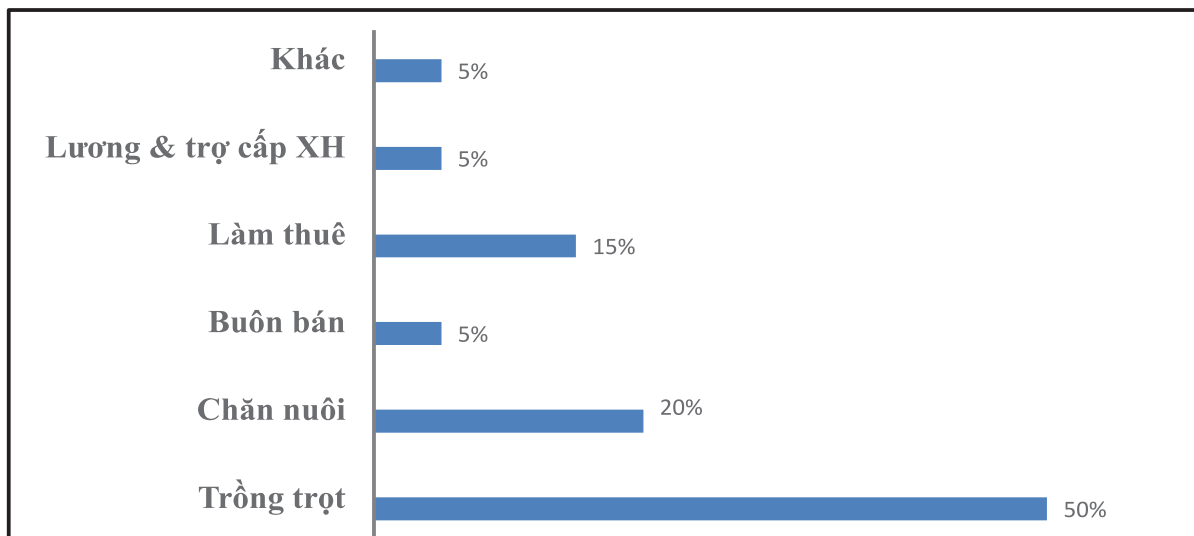
Theo số liệu khảo sát thực tế tại các thôn/bản, trung bình các gia đình thu nhập từ tất cả các nguồn mỗi tháng khoảng 1.000.000 VND (1 triệu đồng). Trong đó, có 40% số hộ cho rằng “thu nhập của họ đủ cho chi tiêu” và 60% còn lại cho rằng “thu nhập của gia đình không đủ để chi tiêu và phải tìm nguồn khác”, như từ vay mượn của gia đình khác hoặc của ngân hàng,...

Như vậy, thu nhập của đồng bào chủ yếu tập trung vào việc khai thác lâm sản, trồng trọt, chăn nuôi. Trong đó, ngoài thu nhập từ khai thác lâm sản bấp bênh, các gia đình chủ yếu dựa vào mùa thu hoạch sản (một mùa vụ khoảng 9 tháng), với giá từ 600 đến 800 đồng/kg; trung bình mỗi tháng mỗi gia đình chỉ kiếm được từ 500.000 đến 1.000.000 đồng. Có những gia đình chỉ làm ngày nào đủ ăn ngày đó, họ kiếm thức ăn từ rừng, suối, như cá, chuột và rau củ quả rừng, măng rừng, chuối rừng... để mang ra chợ bán.

3. Tiêu dùng hằng ngày trong gia đình

Chi tiêu là một nhu cầu tất yếu của con người, nhưng tùy điều kiện thực tế từng người,

Biểu đồ 1: Nguồn thu trong gia đình



(Nguồn: Từ nhóm nghiên cứu)

từng gia đình cân đối thu nhập để có mức chi tiêu hợp lý. Chi tiêu của các hộ gia đình của đồng bào các dân tộc thiểu số Tàôi, Cotu, Bru - Vân Kiều và Chứt bên cạnh giải quyết các nhu cầu cần thiết như ăn, mặc, ở, còn chủ yếu tập trung vào các chi phí bất thường, nhất là chi phí cho nhu cầu tinh thần.

Về nhu cầu ẩm thực, đồng bào chỉ dùng cơm 2 bữa trong một ngày là sáng sớm lúc 5 giờ và xế chiều lúc 17 giờ. Lương thực chủ yếu

là gạo tẻ và gạo nếp. Bữa ăn của người Tàôi, Cotu, Bru - Vân Kiều và Chứt khá là đơn giản, ngoài cơm, có rau củ quả ở rừng, ở vườn, nướng rẫy tự cung cấp, thỉnh thoảng còn có cá, tôm, thịt rừng nhờ đánh bắt, săn bắt được hoặc mua thực phẩm cá, tôm từ các quán ở trong thôn/ bản, từ người buôn bán hàng ngày mang thực phẩm từ vùng xuôi lên để trao đổi hàng hóa nên chi tiêu cho bữa ăn ở gia đình của đồng bào vì vậy khá đơn giản, khoảng từ 20.000-

Bảng 1: Thu nhập bình quân của gia đình năm 2016

Đơn vị: VNĐ

Hộ gia đình Nguồn thu nhập	Hộ 1	Hộ 2	Hộ 3
Trồng trọt	2.000.000	3.000.000	4.000.000
Chăn nuôi	2.000.000	1.500.000	3.000.000
Lâm nghiệp	5.000.000	7.000.000	3.000.000
Kinh tế vườn	1.000.000	2.000.000	3.000.000
Nguồn thu khác	2.000.000	1.000.000	3.000.000
Tổng thu nhập trong 1 năm	12.000.000	14.500.000	16.000.000

(Nguồn: Số liệu của nhóm nghiên cứu)

30.000 đồng/ ngày/ gia đình.

Đồng bào cho biết ngoài chi phí ăn uống hằng ngày, người dân còn nhiều khoản chi khác cũng được quan tâm, như mua áo quần cho các thành viên trong gia đình, ốm đau, học hành cho cháu con,... Trong đó, áo quần, ngoài các trang phục bằng thổ cẩm chủ yếu dùng cho người già và một số thành viên khác trong dịp lễ hội, còn lại họ phải mua áo quần dệt công nghiệp ở chợ; trung bình một gia đình phải chi khoảng 1 triệu đồng/ năm cho việc mua sắm áo quần cho các thành viên trong gia đình.

Ngoài ra, đáng kể nhất là khoản chi cho học hành của con em cũng tương đối lớn. Mặc dù ở miền núi tiền học phí đã được nhà nước hỗ trợ nhưng các khoản phải chi trả khác, như tiền quỹ, tiền sách, vở, giấy, bút, áo quần đồng phục... lên đến trên vài trăm ngàn đồng/ 1 học sinh/ 1 năm học; và khi trong gia đình có nhiều con em đến trường, áp lực kinh phí cho học hành càng lớn.

Bên cạnh đó, chi phí cho các sự việc bất thường trong gia đình cũng phải được tính đến, như viếng người chết, mừng nhà mới, cưới hỏi, đóng góp các loại quỹ ở địa phương cũng như tiền thuốc chữa trị khi trong gia đình có người

đau ốm, hoặc phải sửa chữa nhà,...

Một khoản chi bất thường khác trong gia đình là chi cho việc tổ chức cưới hỏi, ma chay, lễ tết đòi hỏi mỗi hộ gia đình phải chi tiêu một số tiền lớn để thực hiện những nghi lễ đó. Trong lễ hội hoặc các lễ nghi cúng tế, đồng bào có tập quán hiến tế các con vật như trâu, bò, lợn, gà... Các con vật đó hoặc tự nuôi lấy, hoặc phải bỏ tiền ra để mua nhằm đáp ứng nhu cầu lễ nghi cúng tế. Đó là những khoản chi bất thường hằng ngày, nhưng lại bình thường trong năm, vì năm nào cũng có lễ hội, hoặc lễ nghi cúng tế. Vì vậy, nếu năm nào gia đình có tang ma, cưới hỏi, làm nhà... phải chi từ 30-50 triệu đồng. Với khoản tiền đó, những gia đình khá giả có thể tích góp được nhưng phần nhiều phải vay mượn để lo công việc.

Theo số liệu điều tra nghiên cứu, có khoảng 30% nguồn chi dùng cho ăn uống hằng ngày, 5% cho y tế, giáo dục, 3% đầu tư cho sản xuất, áo quần 1%, các chi tiêu khác hằng ngày 1%, các khoản chi bất thường (lễ hội cúng tế, cưới hỏi, ma chay, sửa nhà) khác chiếm khoảng 60% (Bảng 2).

Như vậy, thu nhập của người dân chủ yếu đầu tư vào cho việc chi tiêu hằng ngày, còn đầu

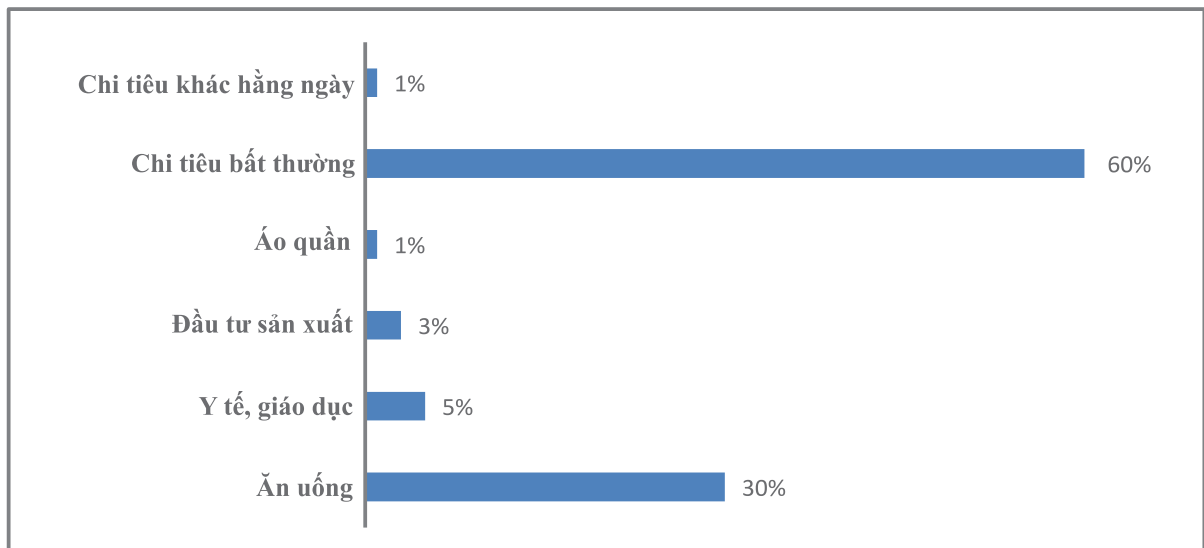
Bảng 2: Chi tiêu của gia đình năm 2016

Đơn vị: VNĐ

Hộ gia đình Nguồn thu nhập	Hộ 1	Hộ 2	Hộ 3
Chi tiêu cho sản xuất	1.000.000	1.500.000	500.000
Ăn uống	11.000.000	15.000.000	18.000.000
Áo quần	500.000	1.000.000	1.000.000
Giáo dục	500.000	1.000.000	2.000.000
Y tế	2.000.000	1.000.000	1.000.000
Sửa nhà	15.000.000	1.000.000	1.000.000
Ma chay - cưới hỏi	20.000.000	25.000.000	30.000.000
Lễ hội, cúng tế	0	15.000.000	20.000.000
Nguồn chi tiêu khác	2.000.000	2.000.000	3.000.000
Tổng nguồn chi tiêu	52.000.000	62.500.000	76.500.000

(Nguồn: Số liệu của nhóm nghiên cứu)

Biểu đồ 2: Mức chi tiêu trong gia đình



(Nguồn: Từ nhóm nghiên cứu)

tư cho sản xuất và học hành, tiết kiệm hầu như rất ít. Đề cập đến việc tiết kiệm tiền, có 86% người dân trả lời không tiết kiệm được gì trong một tháng vì tất cả đều được chi tiêu cho các hoạt động trong cuộc sống như: sản xuất, ăn uống, may mặc, đám tiệc, học hành của con cái,... và 14% còn lại cho rằng, ngoài chi tiêu cho gia đình, họ còn tiết kiệm được một khoản tiền để dành vào những việc khác.

Qua bảng khảo sát đánh giá tổng hợp nguồn thu nhập hằng năm và những khoản cần chi của 3 hộ gia đình được khảo sát ở xã Nhâm, huyện A Lưới từ đó có thể thấy thu nhập của các hộ gia đình tạo ra không nhiều nhưng những khoản cần chi rất nhiều.

Đa phần các hộ chi tiêu vượt quá thu nhập, không hợp lý dẫn đến tình trạng không những không tích lũy được mà còn bị thâm hụt. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho tình trạng nghèo của đồng bào các dân tộc thiểu số Tà-ôi, Cótu, Bru - Vân Kiều và Chứt vẫn cao, chiếm gần 60% dân số.

Tóm lại, thu nhập hàng ngày của đồng bào còn rất hạn chế do bị chi phối bởi nền kinh tế tự

cung, tự cấp, môi trường rừng núi khắc nghiệt, quan hệ trao đổi, mua bán vùng miền kém phát triển. Với mức thu nhập hạn chế đó, đáng lý đồng bào phải tiêu dùng vào các nhu cầu ăn uống, y tế, giáo dục, tái sản xuất nhưng do tập quán nghìn đời nay coi trọng sức mạnh của thần linh, nên tiêu dùng của đồng bào chú trọng vào các hoạt động tâm linh, cúng tế, lễ nghi, tôn giáo trong chu kỳ sản xuất nương rẫy, tang ma, ốm đau... Tập quán đó là một trong nhiều nguyên nhân làm cho cuộc chiến chống đói nghèo và lạc hậu của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế vẫn là một bài toán không dễ có lời giải ■

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Xuân Hồng (1998), *Hôn nhân - gia đình - ma chay của người Tà-ôi, Cótu, Bru-Vân Kiều ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế*, Sở Văn hóa Thông tin Quảng Trị Cb.
2. Nguyễn Văn Mạnh (Cb) (2001), *Luật tục của người Tà-ôi, Cótu, Bru-Vân Kiều ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế*. Nxb Thuận Hóa, Huế.
3. Lê Khương Ninh (2008), *Kinh tế học vi mô*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.